THỎA THUẬN

giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào về việc tạo điều kiện thuận lợi cho người, phương tiện, hàng hóa qua lại biên giới nhằm đẩy mạnh hơn nữa việc khuyến khích phát triển hợp tác đầu tư, thương mại giữa hai nước

---

Căn cứ vào Hiệp định về hợp tác kinh tế, văn hóa và khoa học kỹ thuật giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào ký ngày 07 tháng 01 năm 2007 tại Hà Nội;

Với mong muốn tăng cường hợp tác kinh tế, thúc đẩy, khuyến khích hợp tác đầu tư, thương mại giữa hai nước ngày càng phát triển và phù hợp với thông lệ quốc tế;

Trên tinh thần quan hệ hữu nghị đặc biệt, với sự quan tâm ưu tiên, ưu đãi giữa hai bên nhằm phát huy cao nhất khả năng và tiềm năng của mỗi nước,

Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào (sau đây được gọi là hai bên) thỏa thuận điều chỉnh bổ sung "Thỏa thuận Viêng-chăn năm 2002" đã ký ngày 13 tháng 8 năm 2002 với những nội dung cụ thể trong Thỏa thuận này cho phù hợp với tình hình thực tế và tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi cho người, phương tiện, hàng hóa qua lại biên giới nhằm đẩy mạnh hơn nữa việc khuyến khích phát triển đầu tư, thương mại giữa hai nước sau đây:

1. Thủ tục cho người qua lại và cư trú:

1.1. Hai bên thỏa thuận công dân của hai nước thuộc các doanh nghiệp và các tổ chức có tư cách pháp nhân qua lại biên giới thực hiện các hợp đồng thương mại, lao động, đầu tư và các dự án hợp tác; học sinh, sinh viên, thực tập sinh theo chương trình hợp tác giữa hai Chính phủ mang Hộ chiếu phổ thông được dán tem AB của Việt Nam hoặc ký hiệu SERVICE của Lào được miễn thị thực nhập cảnh vào nước bên kia và không phải gửi danh sách trước để đối chiếu tại cửa khẩu khi nhập cảnh.

Tem AB và ký hiệu SERVICE được cấp vào Hộ chiếu phổ thông trước khi đi đến nước bên kia được gia hạn và cấp lại trong trường hợp Hộ

chiếu bị mất hoặc hỏng tại các cơ quan đại diện ngoại giao của mình ở nước bên kia.

Trong vòng 30 ngày sau khi nhập cảnh vào nước bên kia, đơn vị chủ quản hoặc người sử dụng lao động phải làm đầy đủ thủ tục để đăng ký lao động và lưu trú cho người lao động theo quy định tại Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2006 hướng dẫn Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ Việt Nam và Thông tư số 1447/VPPTTg-VTK ngày 31 tháng 8 năm 2004, Thông tư hướng dẫn số 1003/LĐPLXH ngày 15 tháng 3 năm 2007 và Thông tư số 564/BTKCP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ Lào.

Giấy phép lao động và Thẻ tạm trú được cấp theo thời hạn của các hợp đồng thương mại, lao động, đầu tư, các dự án hợp tác và được gia hạn với thời hạn tối đa 12 tháng một lần. Công dân hai nước có Thẻ lao động và thẻ tạm trú được miễn thị thực khi xuất cảnh, nhập cảnh trong thời hạn của Thẻ tạm trú.

1.2. Hai bên thỏa thuận thực hiện Hiệp định miễn thị thực cho người mang Hộ chiếu phổ thông giữa hai nước ký ngày 05 tháng 3 năm 2004 tại thành phố Hạ Long, Việt Nam.

Đối với công dân hai nước mang Hộ chiếu phổ thông không thuộc đối tượng tại Điểm 1.1 của Thỏa thuận này, nếu có nhu cầu cư trú quá 30 ngày phải xin cấp thị thực vào Việt Nam hoặc vào Lào và đăng ký lưu trú theo quy định. Thời hạn lưu trú được gia hạn tại nước cư trú tối đa hai lần, mỗi lần là 30 ngày. Lệ phí cấp hoặc gia hạn thị thực thống nhất hai bên là 20 USD/thị thực, thu bằng tiền VND và LAK hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi (theo tỷ giá của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Ngân hàng Ngoại thương Lào công bố tại thời điểm thu).

1.3. Hai bên nhất trí cho phép các công dân thuộc tỉnh bên này có chung đường biên giới với tỉnh bên kia được qua lại bằng Giấy thông hành biên giới do cơ quan công an cấp tỉnh cấp. Các cơ quan có thẩm quyền hai nước sẽ thông báo cho nhau qua đường ngoại giao mẫu Giấy thông hành biên giới sử dụng của mình. Nếu thay đổi mẫu mới phải thông báo trước 30 ngày cho nước bên kia. Người mang Giấy thông hành qua lại biên giới được phép lưu trú 15 ngày, có thể gia hạn thêm 01 lần không quá 15 ngày và chỉ có giá trị trong phạm vi tỉnh đối diện biên giới của mỗi nước. Nếu muốn đến các tỉnh khác phải được cơ quan công an cấp tỉnh nơi nhập cảnh cấp giấy phép và được xuất cảnh tại cửa khẩu thuận lợi nhất.

2. Quy chế quản lý phương tiện cơ giới, vật tư, thiết bị qua lại giữa hai nước:

2.1. Hai bên thỏa thuận thực hiện việc tính giá trị phương tiện cơ giới, vật tư, thiết bị tạm nhập tái xuất cả hai phía đưa vào thực hiện các dự án đầu tư ở nước bên kia bằng USD tại thời điểm kê khai. Phương tiện cơ giới, vật tư, thiết bị tạm nhập, tái xuất theo dự án đầu tư nếu bán hoặc sử dụng trái với mục đích của dự án sẽ phải tuân theo quy định hiện hành của mỗi nước.

2.2. Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh Hiệp định và Nghị định vận tải đường bộ đã ký kết, đồng thời thông báo cho các cơ quan chức năng mỗi bên và các cặp cửa khẩu giữa hai nước thực hiện các nội dung được bổ sung sau đây:

- Phương tiện được tạm nhập tái xuất vào mỗi nước trong thời hạn 30 ngày và được phép gia hạn một lần với thời hạn không quá 10 ngày trong trường hợp bất khả kháng hoặc vì lý do khách quan. Việc tái xuất không phụ thuộc vào cửa khẩu tạm nhập.

- Các phương tiện tạm nhập tái xuất vào mỗi nước được phép chở hàng hai chiều mà không cần xin phép tại địa phương nơi tái xuất, nhưng không được sử dụng vào mục đích kinh doanh, vận tải hàng hóa trong nội địa của nước cho tạm nhập.

- Hai bên thông báo cho nhau và công bố công khai tại cửa khẩu của mỗi nước về quy định tính tải trọng xe được phép lưu hành của nước mình và thống nhất mỗi bên chỉ kiểm tra tải trọng xe một lần (trừ trường hợp có nghi vấn).

2.3. Hai bên nhất trí cho phép các phương tiện cơ giới đưa vào phục vụ việc triển khai, thực hiện các chương trình, dự án đầu tư và hợp tác giữa hai nước của các doanh nghiệp hai bên được phép qua các cặp cửa khẩu chính (cửa khẩu quốc gia) và cửa khẩu quốc tế giữa hai nước.

Các loại phương tiện cơ giới trong danh mục quản lý của dự án tạm nhập để thực hiện các dự án đầu tư và các dự án hợp tác giữa hai Chính phủ phải được cấp loại giấy phép có ký hiệu riêng để làm cơ sở quản lý lưu hành tại mỗi nước.

3. Quá cảnh hàng hóa:

Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh Hiệp định Chính phủ về quá cảnh hàng hoá giữa hai nước đã ký ngày 23 tháng 4 năm 1994 và Hiệp định ký ngày 18 tháng 01 năm 2000 về sửa đổi một số điều của Hiệp định quá cảnh hàng hóa ký ngày 23 tháng 4 năm 1994; thường xuyên kiểm tra, giám sát và thông báo cho nhau kết quả thực hiện; thống nhất sớm nghiên cứu trao đổi và hoàn thiện Hiệp định này cho phù hợp với tình hình thực tế của mỗi nước.

4. Thuế, phí và lệ phí:

4.1. Hai bên tiếp tục nghiên cứu mở rộng danh mục chủng loại hàng hóa thuộc diện hưởng thuế suất thuế nhập khẩu 0% và điều chỉnh hạn ngạch cho một số mặt hàng được hưởng thuế 0% theo hạn ngạch phù hợp với yêu cầu của mỗi bên trình Chính phủ hai bên đưa vào Hiệp định hàng năm.

4.2. Hai bên tạo điều kiện và hướng dẫn cụ thể cho các doanh nghiệp hai nước tham gia triển lãm và hội chợ ở mỗi nước được thuận lợi nhất, vận chuyển hàng hóa kịp thời, dành ưu đãi giảm mức giá thuê gian hàng triển lãm cho nhau và chỉ thu thuế các hàng hóa đã được bán hoặc sử dụng với mục đích khác tại nước trưng bày theo quy định của nước sở tại.

5. Thanh toán và chuyển tiền:

5.1. Hai bên thống nhất khuyến khích các doanh nghiệp hai nước sử dụng đồng Việt Nam và kíp Lào trong quan hệ thương mại, đầu tư.

5.2. Ngành tài chính và ngân hàng hai nước hai bên thực hiện việc chi trả cho các dự án sử dụng vốn viện trợ và vốn vay của Việt Nam dành cho Lào bằng đồng Việt Nam và kíp Lào.

6. Kiểm tra, kiểm soát:

6.1. Hai bên thống nhất ngoài việc kiểm tra, kiểm soát tại cửa khẩu và sẽ không kiểm tra, kiểm soát trên các tuyến đường của mỗi bên trừ trường hợp khi có nghi vấn; cam kết tăng cường đầu tư trang thiết bị, nhân lực để giảm thiểu thời gian làm thủ tục qua lại tại các cửa khẩu.

6.2. Hai bên thỏa thuận niêm yết công khai các thủ tục, danh mục hàng cấm, hướng dẫn các mẫu tờ khai và thông tin cần thiết khác tại các cặp cửa khẩu biên giới hai nước.

6.3. Hai bên cam kết tập trung đầu tư hoàn thiện các điều kiện cần thiết để thực hiện đầy đủ mô hình kiểm tra "một cửa, một điểm dừng" đã được thỏa thuận tại cặp cửa khẩu quốc tế Lao Bảo- Đen-xa-văn; tiến hành tổng kết rút kinh nghiệm thực hiện mô hình này để mở rộng áp dụng kiểm tra "một cửa, một điểm dừng" tại các cặp cửa khẩu khác.

6.4. Hai bên tăng cường kiểm tra thường xuyên việc chống buôn lậu và ma túy giữa hai nước; kịp thời thông báo cho nhau những thông tin, phát hiện, phối hợp ngăn chặn kịp thời các hiện tượng, các tổ chức đường dây buôn lậu và buôn bán ma túy qua biên giới.

6.5. Hai bên nhất trí thực hiện giờ làm việc tại các trạm cửa khẩu biên giới Việt Nam và các trạm cửa khẩu biên giới Lào hàng ngày liên lục từ 07h00 đến 19h30, kể cả ngày lễ và ngày nghỉ cuối tuần. Ngoài ra, sẽ giải quyết các trường hợp đặc biệt qua lại biên giới vào bất cứ giờ nào. Hai bên thông báo mức thu phí ngoài giờ làm việc, ngày lễ, ngày nghỉ cuối tuần và niêm yết công khai, thống nhất tại các cửa khẩu.

6.6. Các đơn vị cửa khẩu hai nước hàng tuần gặp gỡ giao ban và định kỳ 3 tháng đánh giá, báo cáo việc thực hiện thoả thuận, trong trường hợp cần thiết cần báo cáo ngay lên cơ quan quản lý trực tiếp của mình.

7. Cơ chế, chính sách khuyến khích thương mại, đầu tư giữa hai nước:

7.1. Hai bên nhất trí khuyến khích các doanh nghiệp hai nước đầu tư khai thác tiềm năng hiện có tại mỗi nước dưới hình thức đầu tư đối công trình trên cơ sở kế hoạch, quy hoạch phát triển của mỗi nước.

7.2. Hai bên thỏa thuận trong điều kiện cho phép sẽ dành ưu tiên cho các doanh nghiệp mỗi nước thực hiện các dự án đầu tư tại mỗi bên.

7.3. Hai bên thỏa thuận thực hiện niêm yết công khai các loại thuế, phí, lệ phí áp dụng đối với các dự án đầu tư của hai bên vào mỗi bên. Các vật tư, thiết bị, nguyên, nhiên, vật liệu nằm trong danh mục nhập khẩu của dự án đầu tư để xây dựng cơ sở vật chất ban đầu, tạo tài sản cố định của doanh nghiệp hoặc để đổi mới công nghệ của dự án được miễn thuế nhập khẩu.

7.4. Hai bên thỏa thuận cho phép các sản phẩm do các dự án đầu tư của Việt Nam sản xuất tại Lào và của Lào sản xuất tại Việt Nam được vận chuyển qua biên giới hai nước với thủ tục đơn giản nhất.

7.5. Hai bên thỏa thuận dành ưu tiên và tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp và công dân hai nước triển khai các thủ tục đầu tư, trao đổi thương mại ở mỗi bên; thực hiện việc cấp phép đầu tư đồng thời với việc cấp phép kinh doanh cho dự án có thể hoạt động sớm nhất.

7.6. Hai bên thỏa thuận sẽ thường xuyên tiếp xúc và thông báo cho nhau các thông tin có liên quan đến thương mại, đầu tư giữa hai nước; thường xuyên tổ chức các cuộc tiếp xúc để nắm bắt và xử lý kịp thời các vấn đề do các doanh nghiệp hai nước yêu cầu.

8. Hai bên cam kết chỉ đạo các Bộ, ngành, địa phương, cơ quan chức năng liên quan, các đơn vị cửa khẩu của mỗi bên thực hiện nghiêm các nội dung đã được thỏa thuận tại văn kiện này. Định kỳ 6 tháng một lần tổ chức Nhóm phối hợp liên ngành hai bên kiểm tra và báo cáo lên hai Chính phủ giải quyết các vướng mắc phát sinh.

9. Thỏa thuận này có hiệu lực sau 30 ngày kể từ ngày ký và được gọi là "Thỏa thuận Hà Nội năm 2007" thay thế "Thỏa thuận Viêng-chăn năm 2002" đã ký ngày 13 tháng 8 năm 2002.

Thỏa thuận này làm tại Thủ đô Hà Nội, nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, ngày 14 tháng 9 năm 2007 thành hai bản bằng tiếng Việt và tiếng Lào, cả hai văn bản đều có giá trị như nhau./.

TM. CHÍNH PHỦ **NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**	**TM. CHÍNH PHỦ** **NƯỚC CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO**
Nguyễn Sinh Hùng PHÓ THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	**Xổm-xà-vạt Lênh-xa-vát** PHÓ THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

ຂໍ້ຕົກລົງ

ລະຫວ່າງ ລັດຖະບານ ສາທາລະນະລັດ ປະຊາທິປະໄຕ ປະຊາຊົນລາວ ແລະ ລັດຖະບານ ສາທາລະນະລັດ ສັງຄົມນິຍົມ ຫວຽດນາມ ກ່ຽວກັບການສືບຕໍ່ສ້າງເງື່ອນໄຂສະດວກໃຫ້ແກ່ຄົນ, ພາຫະນະ, ສິນຄ້າຜ່ານຊາຍແດນ ແນ່ໃສ່ ຊຸກຍູ້ສົ່ງເສີມ ຂະຫຍາຍການຮ່ວມມື ດ້ານການລົງທຶນ, ການຄ້າ ລະຫວ່າງ ສອງປະເທດ ໃຫ້ແຂງແຮງຂຶ້ນເລື້ອຍໆ

ອີງຕາມສັນຍາວ່າດ້ວຍການຮ່ວມມື ດ້ານເສດຖະກິດ, ວັດທະນະທຳ, ວິທະຍາສາດ-ເຕັກນິກ ລະຫວ່າງ ລັດຖະບານ ສາທາລະນະລັດ ປະຊາທິປະໄຕ ປະຊາຊົນລາວ ແລະ ລັດຖະບານ ສາທາລະນະລັດ ສັງຄົມນິຍົມ ຫວຽດນາມ ທີ່ໄດ້ເຊັນກັນໃນວັນທີ 07 ເດືອນມັງກອນ (01) ປີ 2007 ທີ່ນະຄອນຫລວງ ຮ່າໂນ້ຍ.

ດ້ວຍຄວາມມຸ້ງມາດປາດຖະໜາ ເພື່ອເພີ້ມທະວີການຮ່ວມມືດ້ານເສດຖະກິດ ແລະ ຊຸກຍູ້ສົ່ງເສີມ ການຮ່ວມມືດ້ານການລົງທຶນ ແລະ ການຄ້າ ລະຫວ່າງ ສອງປະເທດ ໃຫ້ນັບມື້ນັບຂະຫຍາຍຕົວ ໂດຍສອດ ຄ່ອງກັບລະບຽບການສາກົນ.

ບົນຈິດໃຈ ສາຍພົວພັນມິດຕະພາບພິເສດ, ການເອົາໃຈໃສ່ໃຫ້ບູລິມະສິດຜ່ອນຜັນ ລະຫວ່າງ ສອງ ຝ່າຍ ແນໃສ່ເສີມຂະຫຍາຍສູງສຸດຄວາມອາດສາມາດບົ່ມຊ້ອນ ຂອງແຕ່ລະປະເທດ.

ລັດຖະບານ ແຫ່ງ ສາທາລະນະລັດ ປະຊາທິປະໄຕ ປະຊາຊົນລາວ ແລະ ລັດຖະບານ ແຫ່ງ ສາທາລະນະລັດ ສັງຄົມນິຍົມ ຫວຽດນາມ (ຕໍ່ໄປເອີ້ນວ່າ ສອງຝ່າຍ) ຕົກລົງດັດແກ້, ເພີ່ມເຕີມຂໍ້ຕົກລົງ " ວຽງຈັນ 2002 ", ສະບັບລົງວັນທີ 13 ເດືອນສິງຫາ (8) ປີ 2002 ເຊິ່ງມີເນື້ອໃນລາຍລະອຽດຄົບຖ້ວນ ຢູ່ໃນຂໍ້ຕົກລົງໃຫມ່ນີ້, ທັງນີ້ກໍ່ເພື່ອໃຫ້ສອດຄ່ອງກັບສະພາບການຕົວຈິງ ແລະ ເພື່ອສືບຕໍ່ສ້າງເງື່ອນໄຂສະ ດວກໃຫ້ແກ່ຄົນ, ພາຫະນະ, ສິນຄ້າຜ່ານຊາຍແດນ ແນໃສ່ຊຸກຍູ້ສົ່ງເສີມຂະຫຍາຍການລົງທຶນ ແລະ ການ ຄ້າ ລະຫວ່າງສອງປະເທດ ຄືດັ່ງລຸ່ມນີ້:

1. <u>ລະບຽບການໃຫ້ ຄົນເຂົ້າ - ອອກ ແລະ ພັກຢູ່ອາໃສ</u>:

1.1 ສອງຝ່າຍຕົກລົງກັນວ່າ ພົນລະເມືອງຂອງສອງປະເທດ ທີ່ສັງກັດໃນບັນດາວິສາຫະກິດ ແລະ ບັນດາການຈັດຕັ້ງທີ່ມີຖານະນິຕິບຸກຄົນ ຖືໜັງສືຜ່ານແດນທຳມະດາ ທີ່ໄດ້ຈຳວິຊາ SERVICE ຂອງ ລາວ ຫລື ຕິດສະແຕັມ AB ຂອງຫວຽດນາມ ຜ່ານຊາຍແດນ ເພື່ອໄປປະຕິບັດບັນດາຂໍ້ຜູກພັນດ້ານການ ຄ້າ, ແຮງງານ, ການລົງທຶນ ແລະ ໂຄງການຮ່ວມມືຕ່າງໆ; ນັກຮຽນ, ນັກສຶກສາ, ນັກຝຶກງານຕາມໂຄງການ ຮ່ວມມື ລະຫວ່າງສອງລັດຖະບານ ແມ່ນໄດ້ຮັບການຍົກເວັ້ນວີຊາເຂົ້າປະເທດຂອງກັນ ແລະ ກັນ ໂດຍບໍ່ ຈຳເປັນສິ່ງລາຍຊື່ໄປສົມທຽບຢູ່ດ່ານ ໃນເວລາຜ່ານແດນ.

ວີຊາ SERVICE ຫລື ສະແຕັມ AB ຕ້ອງໄດ້ຈຳໃສ່ໜັງສືຜ່ານແດນກ່ອນການເດີນທາງເຂົ້າໄປອີກປະເທດໜຶ່ງ. ໃນກໍລະນີ ໜັງສືຜ່ານແດນຖືກເສຍຫາຍ ແມ່ນສາມາດເຮັດໃໝ່ ແລະ ຕໍ່ກຳນົດໄດ້ຢູ່ສຳນັກງານຕາງໜ້າການທູດຂອງຕົນຢູ່ປະເທດນັ້ນ.

ໃນກຳນົດ 30 ວັນ ພາຍຫຼັງເຂົ້າປະເທດຂອງກັນ ແລະ ກັນແລ້ວ ເຈົ້າຂອງໂຄງການ ຫຼື ຜູ້ນຳໃຊ້ແຮງງານ ຕ້ອງປະກອບເອກະສານຄົບຖ້ວນ ເພື່ອຂຶ້ນທະບຽນແຮງງານ ແລະ ພັກຢູ່ອາໃສຊົ່ວຄາວໃຫ້ແກ່ຜູ້ອອກແຮງງານ ຕາມແຈ້ງການສະບັບເລກທີ 97/2006/ຈກ.ກງ, ລົງວັນທີ 16 ເດືອນ 10 ປີ 2006, ແຈ້ງການແນະນຳຈັດຕັ້ງປະຕິບັດດຳລັດສະບັບເລກທີ 24/2006/ດລ.ລບ, ລົງວັນທີ 06 ເດືອນ 03 ປີ 2006 ຂອງລັດຖະບານ ຫວຽດນາມ ແລະ ແຈ້ງການສະບັບເລກທີ 1447 / ຫສນຍ. ກລຂ, ລົງວັນທີ 31 ເດືອນ 08 ປີ 2004, ແຈ້ງການ ແນະນຳສະບັບເລກທີ 1003/ຮສສ, ລົງວັນ 15 ເດືອນ 03 ປີ 2007 ແລະ ແຈ້ງການ ເລກທີ 564/ຄລບ, ລົງວັນທີ 10 ເດືອນ 04 ປີ 2007 ຂອງລັດຖະບານລາວ.

ບັດອະນຸຍາດອອກແຮງງານ ແລະ ບັດພັກຢູ່ອາໃສຊົ່ວຄາວ ໄດ້ອອກໃຫ້ຕາມກຳນົດເວລາຂອງຂໍ້ຜູກພັນດ້ານການຄ້າ, ແຮງງານ, ການລົງທຶນ, ໂຄງການຮ່ວມມືຕ່າງໆ ແລະ ສາມາດຕໍ່ອາຍຸໄດ້ສູງສຸດ 12 ເດືອນຕໍ່ຄັ້ງ. ພົນລະເມືອງສອງປະເທດ ທີ່ໄດ້ຮັບບັດອອກແຮງງານ ແລະ ບັດພັກຢູ່ອາໃສຊົ່ວຄາວ ໄດ້ຮັບການຍົກເວັ້ນວີຊາເຂົ້າ - ອອກ ໃນໄລຍະກຳນົດເວລາພັກຢູ່ອາໃສຊົ່ວຄາວ.

1.2 ສອງຝ່າຍຕົກລົງປະຕິບັດສັນຍາ ກ່ຽວກັບການຍົກເວັ້ນວີຊາໃຫ້ແກ່ພົນລະເມືອງທີ່ຖືໜັງສືຜ່ານແດນທຳມະດາ ລະຫວ່າງສອງປະເທດ ທີ່ໄດ້ເຊັນກັນ ຄັ້ງວັນທີ 05 ເດືອນ 03 ປີ 2004 ທີ່ນະຄອນຮ່າໂນ້ຍ, ຫວຽດນາມ.

ສຳລັບພົນລະເມືອງຂອງສອງປະເທດ ທີ່ຖືໜັງສືຜ່ານແດນທຳມະດາ ເຊິ່ງບໍ່ຢູ່ໃນເປົ້າໝາຍໃນຂໍ້1.1 ຂອງຂໍ້ຕົກລົງສະບັບນີ້, ຖ້າມີຄວາມຕ້ອງການພັກຢູ່ອາໃສເກີນ 30 ວັນ ຕ້ອງໄດ້ຂໍວີຊາ (VISA) ເຂົ້າລາວ ຫລື ເຂົ້າຫວຽດນາມ ແລະ ຂຶ້ນທະບຽນພັກຢູ່ອາໃສຕາມລະບຽບການ. ກຳນົດເວລາພັກຢູ່ອາໃສສາມາດຕໍ່ອາຍຸໄດ້ ຢູ່ທີ່ປະເທດທີ່ຕົນພັກຢູ່ອາໃສສູງສຸດ 2 ຄັ້ງ, ແຕ່ລະຄັ້ງແມ່ນ 30 ວັນ. ຄ່າທຳນຽມການອອກວີຊາ ຫຼື ການຕໍ່ອາຍຸວີຊາເປັນເອກະພາບກັນ 20 ໂດລາສະຫະລັດຕໍ່ 01 ຄັ້ງ ໂດຍເກັບເປັນເງິນກີບລາວ, ເງິນດົ່ງຫວຽດນາມ ຫຼື ເປັນສະກຸນເງິນຕາຕ່າງປະເທດ (ຕາມອັດຕາແລກປ່ຽນຂອງທະນາຄານແຫ່ງລັດຫວຽດນາມ ແລະ ທະນາຄານການຄ້າຕ່າງປະເທດລາວ ທີ່ປະກາດໃຊ້ໃນເວລາເກັບ).

1.3 ສອງຝ່າຍເປັນເອກະພາບກັນ ອະນຸຍາດໃຫ້ພົນລະເມືອງຂອງແຂວງ ທີ່ມີຊາຍແດນຮ່ວມກັນ ໃຊ້ບັດຜ່ານແດນ ທີ່ຕຳຫຼວດແຂວງອອກໃຫ້ ເພື່ອໄປມາຫາສູ່ກັນ. ບັນດາອົງການທີ່ມີສິດອຳນາດ ຂອງສອງປະເທດຈະແຈ້ງໃຫ້ກັນຊາບ ໂດຍຜ່ານທາງການທູດ ກ່ຽວກັບແບບຟອມບັດຜ່ານແດນທີ່ຕົນນຳໃຊ້. ຖ້າມີການປ່ຽນແປງແບບຟອມໃໝ່ ຕ້ອງແຈ້ງໃຫ້ກັນຊາບລ່ວງໜ້າ 30 ວັນ. ຜູ້ທີ່ຖືບັດຜ່ານແດນອະນຸຍາດໃຫ້ພັກຢູ່ອາໃສໃນກຳນົດ 15 ວັນ, ສາມາດຕໍ່ອາຍຸໄດ້ 01 ຄັ້ງ ບໍ່ເກີນ 15 ວັນ ແລະ ມີຄຸນຄ່າພຽງແຕ່ຢູ່ໃນຂອບເຂດແຂວງ ທີ່ມີຊາຍແດນຕິດຈອດກັນ ຂອງແຕ່ລະປະເທດ. ຖ້າຕ້ອງການໄປຍັງແຂວງອື່ນ ຕ້ອງໄດ້ຮັບການອະນຸຍາດຈາກຕຳຫຼວດແຂວງນັ້ນເສຍກ່ອນ ແລະ ສາມາດນຳໃຊ້ດ່ານຊາຍແດນທີ່ສະດວກກ່ວາໝູ່ເພື່ອເຂົ້າ - ອອກ.

2. ລະບຽບການຄຸ້ມຄອງການເຂົ້າ - ອອກ ຂອງພາຫະນະ, ກົນຈັກ, ວັດສະດຸ ແລະ ອຸປະກອນ ລະຫວ່າງສອງປະເທດ.

2.1 ສອງຝ່າຍຕົກລົງເປັນເອກະພາບກັນວ່າ ມູນຄ່າພາຫະນະ, ກົນຈັກ, ວັດສະດຸ ແລະ ອຸປະກອນ ທີ່ນຳເຂົ້າຊົ່ວຄາວຂອງທັງສອງຝ່າຍ ເພື່ອປະຕິບັດບັນດາໂຄງການລົງທຶນຢູ່ປະເທດຂອງກັນ ແລະ ກັນນັ້ນ ຕ້ອງຄິດໄລ່ເປັນສະກຸນເງິນໂດລາສະຫະລັດ (USD) ໃນເວລາແຈ້ງບັນຊີເຄື່ອງດັ່ງກ່າວ. ພາຫະນະ, ກົນຈັກ, ວັດສະດຸ ແລະ ອຸປະກອນ ທີ່ນຳເຂົ້າຊົ່ວຄາວຕາມໂຄງການລົງທຶນນັ້ນ, ຖ້າຂາຍ ຫຼື ນຳໃຊ້ບໍ່ຖືກກັບ ເປົ້າໝາຍຂອງໂຄງການ ຈະຕ້ອງປະຕິບັດຕາມລະບຽບກົດໝາຍທີ່ປະກາດໃຊ້ຂອງແຕ່ລະປະເທດ.

2.2 ສອງຝ່າຍເປັນເອກະພາບກັນ ປະຕິບັດຢ່າງເຂັ້ມງວດ ສັນຍາ ແລະ ອະນຸສັນຍາການຂົນສົ່ງ ທາງບົກ ທີ່ໄດ້ເຊັນກັນ, ພ້ອມກັນນັ້ນ ກໍ່ແຈ້ງໃຫ້ບັນດາອົງການທີ່ກ່ຽວຂ້ອງ ຂອງແຕ່ລະຝ່າຍ ແລະ ບັນດາ ຄູ່ດ່ານຊາຍແດນ ລະຫວ່າງສອງປະເທດ ປະຕິບັດບັນດາເນື້ອໃນເພີ່ມເຕີ່ມດັ່ງລຸ່ມນີ້:

- ພາຫະນະ ສາມາດນຳເຂົ້າ - ອອກຊົ່ວຄາວ ໃນແຕ່ລະປະເທດໄດ້ ພາຍໃນກຳນົດເວລາ 30 ວັນ ແລະ ອະນຸຍາດໃຫ້ຕໍ່ອາຍຸໄດ້ 1 ຄັ້ງ ໃນກຳນົດເວລາບໍ່ເກີນ 10 ວັນ ໃນກໍລະນີສຸດວິໄສ ຫລື ຍ້ອນເຫດຜົນ ພາວະວິໄສ. ພາຫະນະດັ່ງກ່າວ ອາດຈະນຳເຂົ້າຊົ່ວຄາວຢູ່ດ່ານນີ້ ແລະ ອອກດ່ານອື່ນໄດ້.

- ບັນດາພາຫະນະທີ່ນຳເຂົ້າ - ອອກຊົ່ວຄາວ ໃນແຕ່ລະປະເທດ ໄດ້ຮັບອະນຸຍາດໃຫ້ບັນທຸກເຄື່ອງ ຂອງ ໄດ້ທັງຂາໄປ ແລະ ຂາກັບ ໂດຍບໍ່ຈຳເປັນຈະຂໍອະນຸຍາດນຳທ້ອງຖິ່ນບ່ອນດ່ານອອກ, ແຕ່ບໍ່ມີສິດ ນຳໃຊ້ເຂົ້າໃນເປົ້າໝາຍທຸລະກິດຂົນສົ່ງສິນຄ້າຢູ່ພາຍໃນຂອງປະເທດທີ່ໃຫ້ອະນຸຍາດນຳເຂົ້າຊົ່ວຄາວ.

- ສອງຝ່າຍແຈ້ງໃຫ້ກັນຊາບ ແລະ ປະກາດເປີດເຜີຍ ຢູ່ດ່ານຊາຍແດນຂອງແຕ່ລະປະເທດ ກ່ຽວ ກັບການກຳນົດການອະນຸຍາດນ້ຳໜັກໃຫ້ແກ່ລົດບັນທຸກຈະລາຈອນຢູ່ປະເທດຂອງຕົນ ແລະ ເປັນເອກະ ພາບກັນວ່າ ແຕ່ລະຝ່າຍກວດການ້ຳໜັກລົດບັນທຸກພຽງແຕ່ເທື່ອດຽວ, ຍົກເວັ້ນແຕ່ກໍລະນີສົງໃສ.

2.3 ສອງຝ່າຍເປັນເອກະພາບກັນ ອະນຸຍາດໃຫ້ບັນດາວິສາຫະກິດສອງຝ່າຍ ນຳເຂົ້າບັນດາ ພາຫະນະ, ກົນຈັກຕ່າງໆ ເພື່ອຮັບໃຊ້ການຜັນຂະຫຍາຍ, ປະຕິບັດບັນດາກິດຈະການ, ໂຄງການລົງທຶນ ແລະ ຮ່ວມມື ລະຫວ່າງສອງປະເທດ ໂດຍສາມາດຜ່ານບັນດາຄູ່ດ່ານທ້ອງຖິ່ນ (ດ່ານແຫ່ງຊາດ) ແລະ ດ່ານ ສາກົນ ລະຫວ່າງສອງປະເທດ.

ສຳລັບພາຫະນະ, ກົນຈັກປະເພດຕ່າງໆ ທີ່ນອນຢູ່ໃນບັນຊີຄຸ້ມຄອງຂອງໂຄງການ ເຊິ່ງນຳເຂົ້າຊົ່ວ ຄາວ ເພື່ອປະຕິບັດບັນດາໂຄງການລົງທຶນ ແລະ ໂຄງການຮ່ວມມື ລະຫວ່າງສອງລັດຖະບານ ຕ້ອງໄດ້ ອອກໃບອະນຸຍາດທີ່ມີເຄື່ອງໝາຍສະເພາະ ເພື່ອເປັນພື້ນຖານໃນການຄຸ້ມຄອງການຈະລາຈອນ ຢູ່ແຕ່ລະ ປະເທດ.

3. <u>ສິນຄ້າຜ່ານແດນ</u> :

ສອງຝ່າຍຕົກລົງປະຕິບັດຢ່າງເຂັ້ມງວດ ສັນຍາການຄ້າຜ່ານແດນ ລະຫວ່າງສອງປະເທດ ທີ່ລັດ ຖະບານສອງຝ່າຍໄດ້ເຊັນກັນ ໃນວັນທີ 23 ເດືອນ 04 ປີ 1994 ແລະ ສັນຍາສະບັບເພີ່ມເຕີ່ມ ທີ່ສອງຝ່າຍ ໄດ້ເຊັນກັນໃນວັນທີ 18 ເດືອນ 01 ປີ 2000 ກ່ຽວກັບການດັດແປງບາງມາດຕາ ຂອງສັນຍາການຄ້າ ຜ່ານແດນ ທີ່ໄດ້ເຊັນກັນໃນວັນທີ 23 ເດືອນ 04 ປີ 1994; ກວດກາ ຕິດຕາມ ແລະ ແຈ້ງໃຫ້ກັນຊາບຢ່າງ ເປັນປົກກະຕິ ກ່ຽວກັບຜົນການຈັດຕັ້ງປະຕິບັດ; ເປັນເອກະພາບກັນ ຄົ້ນຄ້ວາ ແລກປ່ຽນ ແລະ ປັບປຸງ ສັນ ຍາສະບັບນີ້ ໃຫ້ສອດຄ່ອງກັບສະພາບຕົວຈິງຂອງແຕ່ລະປະເທດໂດຍໄວ.

4. ຄ່າພາສີອາກອນ, ບໍລິການ ແລະ ທຳນຽມ:

4.1 ສອງຝ່າຍ ສືບຕໍ່ຄົ້ນຄ້ວາເພື່ອຂະຫຍາຍລາຍການສິນຄ້າ ທີ່ໄດ້ຮັບບູລິມະສິດອັດຕາພາສີຂາເຂົ້າ 0% ແລະ ດັດແກ້ໂກຕາ ໃຫ້ແກ່ບາງປະເພດສິນຄ້າທີ່ໄດ້ຮັບບູລິມະສິດອັດຕາພາສີຂາເຂົ້າ 0% ຕາມໂກຕາ ໃຫ້ແທດເໝາະກັບຄວາມຮຽກຮ້ອງຕ້ອງການຂອງແຕ່ລະຝ່າຍ ເພື່ອນຳສະເໜີລັດຖະບານສອງຝ່າຍ ບັນຈຸເຂົ້າໃນສັນຍາຮ່ວມມືແຕ່ລະປີ.

4.2 ສອງຝ່າຍສ້າງເງື່ອນໄຂ ແລະ ແນະນຳລະອຽດໃຫ້ແກ່ບັນດາວິສາຫະກິດ ສອງປະເທດ ເຂົ້າຮ່ວມງານວາງສະແດງສິນຄ້າ ແລະ ຕະຫລາດນັດ ຢູ່ແຕ່ລະປະເທດໃຫ້ສະດວກທີ່ສຸດ, ຂົນສົ່ງສິນຄ້າ ໃຫ້ທັນເວລາ, ໃຫ້ການຜ່ອນຜັນ ຫຼຸດຜ່ອນຄ່າເຊົ່າຫ້ອງວາງສະແດງສິນຄ້າໃຫ້ແກ່ກັນ ແລະ ກັນ ແລະ ເກັບພາສີສຳລັບສິນຄ້າ ທີ່ໄດ້ຂາຍຢູ່ໃນຫ້ອງວາງສະແດງສິນຄ້າ ຫຼື ນຳໃຊ້ເຂົ້າໃນເປົ້າໝາຍອື່ນ ຢູ່ປະເທດທີ່ໄປວາງສະແດງສິນຄ້າ ຕາມລະບຽບການຂອງປະເທດດັ່ງກ່າວ.

5. ການຊຳລະສະສາງ ແລະ ການໂອນເງິນ:

5.1 ສອງຝ່າຍເປັນເອກະພາບກັນ ສົ່ງເສີມບັນດາວິສາຫະກິດຂອງສອງປະເທດ ນຳໃຊ້ເງິນກີບລາວ (LAK) ແລະ ເງິນດົ່ງຫວຽດນາມ (VND) ເຂົ້າໃນການພົວພັນການຄ້າ ແລະ ການລົງທຶນ.

5.2 ມອບໃຫ້ຂະແໜງການເງິນ ແລະ ທະນາຄານຂອງສອງປະເທດ ປະຕິບັດການເບີກຈ່າຍເປັນເງິນກີບລາວ (LAK) ແລະ ເງິນດົ່ງຫວຽດນາມ (VND) ໃຫ້ແກ່ບັນດາໂຄງການທີ່ນຳໃຊ້ທຶນຊ່ວຍເຫຼືອ ແລະ ກູ້ຢືມຈາກ ສສ ຫວຽດນາມ ໃຫ້ແກ່ ສປປ ລາວ.

6. ການຄວບຄຸມ ແລະ ກວດກາ:

6.1 ສອງຝ່າຍເປັນເອກະພາບກັນວ່າ ນອກຈາກການກວດກາຢູ່ທີ່ດ່ານຊາຍແດນແລ້ວ ຈະບໍ່ມີການກວດກາຢູ່ຕາມເສັ້ນທາງຂອງແຕ່ລະຝ່າຍຕື່ມອີກ, ຍົກເວັ້ນແຕ່ກໍລະນີສົງໄສ; ເພີ່ມທະວີການລົງທຶນປະກອບອຸປະກອນ ແລະ ພະນັກງານເຮັດວຽກຢູ່ດ່ານຊາຍແດນ ເພື່ອຫຼຸດຜ່ອນເວລາແຈ້ງເອກະສານ ເຂົ້າ - ອອກ ຜ່ານດ່ານຊາຍແດນຕ່າງໆ.

6.2 ສອງຝ່າຍຕົກລົງແຈ້ງເປີດເຜີຍບັນດາລະບຽບການ, ລາຍການສິນຄ້າທີ່ຕ້ອງຫ້າມ, ແນະນຳແບບຟອມໃບແຈ້ງທຸກຢ່າງ ແລະ ຂໍ້ມູນທີ່ຈຳເປັນອື່ນໆ ຢູ່ບັນດາຄູ່ດ່ານຊາຍແດນ ລະຫວ່າງສອງປະເທດ.

6.3 ສອງຝ່າຍຕົກລົງ ສຸມການລົງທຶນສ້າງບັນດາເງື່ອນໄຂທີ່ຈຳເປັນ ເພື່ອປະຕິບັດລະບອບການກວດກາ "ປ່ອງດ່ຽວ ແລະ ຈຸດດຽວ" ຢ່າງຄົບຖ້ວນ ຕາມທີ່ໄດ້ຕົກລົງກັນ ຢູ່ຄູ່ດ່ານຊາຍແດນ ແດນສະຫວັນ - ລາວ ບ່າວ. ໃຫ້ດຳເນີນການສະໜຸບ, ຖອດຖອນບົດຮຽນ ການປະຕິບັດທົດລອງລະບອບການກວດກາດັ່ງກ່າວ ເພື່ອເປີດກ້ວາງການນຳໃຊ້ລະບອບການກວດກາ "ປ່ອງດຽວ ແລະ ຈຸດດຽວ" ໄປສູ່ບັນດາຄູ່ດ່ານຊາຍແດນອື່ນໆ.

6.4 ສອງຝ່າຍເພີ່ມທະວີການກວດກາຢ່າງເປັນປະຈຳ ເພື່ອສະກັດກັ້ນ ແລະ ຕ້ານການຄ້າຂາຍເຖື່ອນ ແລະ ສິ່ງເສບຕິດ ລະຫວ່າງສອງປະເທດ; ສະໜອງຂໍ້ມູນໃຫ້ກັນຊາບເປັນປົກກະຕິ, ຊອກຄົ້ນ ແລະ ປະສານສົມທົບກັນສະກັດກັ້ນບັນດາປະກົດການບັນດາກຸ່ມຄ້າຂາຍເຖື່ອນ ແລະ ຄ້າສິ່ງເສບຕິດຂ້າມຊາຍແດນຢ່າງທັນການ.

6.5 ສອງຝ່າຍເປັນເອກະພາບກັນ ປະຕິບັດໂມງເວລາເຮັດວຽກຢູ່ບັນດາດ່ານຊາຍແດນ ຂອງລາວ ແລະ ບັນດາດ່ານຊາຍແດນຂອງຫວຽດນາມ ແຕ່ 7 ໂມງ 00 ນາທີ ເຖິງ19 ໂມງ 30 ນາທີ ໃນທຸກວັນຢ່າງ ຕໍ່ເນື່ອງ, ນັບທັງວັນພັກບຸນ, ວັນພັກທ້າຍອາທິດ. ນອກນັ້ນ ຈະແກ້ໄຂກໍລະນີພິເສດຕ່າງໆ ທີ່ມີການຜ່ານ ຊາຍແດນໃນທຸກເວລາ. ສອງຝ່າຍ ແຈ້ງໃຫ້ກັນຊາບກ່ຽວກັບການເກັບຄ່າບໍລິການນອກໂມງການ, ວັນພັກ ບຸນ, ວັນພັກທ້າຍອາທິດ ແລະ ແຈ້ງເປີດເຜີຍເປັນເອກະພາບຢູ່ດ່ານຊາຍແດນຕ່າງໆ.

6.6 ບັນດາດ່ານຊາຍແດນສອງປະເທດ ຕ້ອງພົບປະແລກປ່ຽນ ແຈ້ງສະພາບໃຫ້ກັນຊາບໃນແຕ່ລະ ອາທິດ ແລະ ສະຫລຸບຕີລາ, ລາຍງານການປະຕິບັດຂໍ້ຕົກລົງສະບັບນີ້ ປະຈຳທຸກໆ 03 ເດືອນ, ໃນກໍລະນີ ຈຳເປັນ ແມ່ນໃຫ້ລາຍງານທັນທີ ຕໍ່ອົງການຄຸ້ມຄອງໂດຍກົງຂອງຕົນ.

7. <u>ກົນໄກ, ນະໂຍບາຍສົ່ງເສີມການຄ້າ ແລະ ການລົງທຶນ ລະຫວ່າງສອງປະເທດ.</u>

7.1 ສອງຝ່າຍເປັນເອກະພາບກັນ ສົ່ງເສີມບັນດາວິສາຫະກິດສອງປະເທດ ລົງທຶນຂຸດຄົ້ນທ່າແຮງ ບໍ່ມຊ້ອນ ທີ່ມີຢູ່ໃນແຕ່ລະປະເທດ ດ້ວຍຮູບການລົງທຶນແລກປ່ຽນກິດຈະການ ບົນພື້ນຖານແຜນການ ແລະ ແຜນກຳນົດການພັດທະນາ ຂອງແຕ່ລະປະເທດ.

7.2 ສອງຝ່າຍຕົກລົງກັນວ່າ ໃນເງື່ອນໄຂທີ່ອະນຸຍາດໄດ້ ຈະໃຫ້ບຸລິມະສິດແກ່ບັນດາວິສາຫະ ກິດ ຂອງແຕ່ລະປະເທດ ປະຕິບັດບັນດາໂຄງການລົງທຶນຢູ່ແຕ່ລະຝ່າຍ.

7.3 ສອງຝ່າຍຕົກລົງ ແຈ້ງເປີດເຜີຍບັນດາຄ່າພາສີ, ບໍລິການ ແລະ ທຳນຽມປະເພດຕ່າງໆ ທີ່ນຳ ໃຊ້ ສຳລັບບັນດາໂຄງການລົງທຶນຂອງສອງຝ່າຍຢູ່ແຕ່ລະປະເທດ. ບັນດາວັດຖຸອຸປະກອນ, ວັດຖຸດິບ, ນ້ຳ ມັນເຊື້ອໄຟ, ວັດສະດຸ ທີ່ນອນຢູ່ໃນບັນຊີນຳເຂົ້າຂອງໂຄງການລົງທຶນ ເພື່ອກໍ່ສ້າງພື້ນຖານວັດຖຸເບື້ອງຕົ້ນ ປະກອບເປັນຊຸບສົມບັດຄົງທີ່ ຂອງວິສາຫະກິດ ຫລື ນຳເຂົ້າເພື່ອປ່ຽນແທນເຕັກໂນໂລຊີໃໝ່ຂອງໂຄງການ ຈະໄດ້ຮັບການຍົກເວັ້ນພາສີຂາເຂົ້າ.

7.4 ສອງຝ່າຍຕົກລົງອະນຸຍາດໃຫ້ບັນດາຜະລິດຕະພັນ ທີ່ບັນດາໂຄງການລົງທຶນຂອງຫວຽດນາມ ຜະລິດຢູ່ລາວ ແລະ ຂອງລາວ ຜະລິດຢູ່ຫວຽດນາມ ໄດ້ຂົນສົ່ງຜ່ານຊາຍແດນຂອງສອງປະເທດ ດ້ວຍຂັ້ນ ຕອນແບບງ່າຍດາຍທີ່ສຸດ.

7.5. ສອງຝ່າຍຕົກລົງໃຫ້ບຸລິມະສິດ ແລະ ສ້າງເງື່ອນໄຂສະດວກໃຫ້ແກ່ບັນດາວິສາຫະກິດ ແລະ ພົນລະເມືອງຂອງສອງປະເທດ ໃນການປະກອບເອກະສານເພື່ອການລົງທຶນ ແລະ ການຄ້າ ຢູ່ແຕ່ ລະຝ່າຍ. ປະຕິບັດການອອກອະນຸຍາດລົງທຶນ ແລະ ການອອກອະນຸຍາດດຳເນີນທຸລະກິດໄປພ້ອມກັນ ເພື່ອໃຫ້ໂຄງການສາມາດເຄື່ອນໄຫວທຸລະກິດໄດ້ ໂດຍໄວ.

7.6 ສອງຝ່າຍຕົກລົງ ຈະພົບປະກັນເປັນປົກກະຕິ ແລະ ແຈ້ງໃຫ້ກັນຊາບ ບັນດາຂໍ້ມູນຂ່າວສານທີ່ ພົວພັນເຖິງການຄ້າ ແລະ ການລົງທຶນ ລະຫວ່າງສອງປະເທດຢ່າງເປັນປະຈຳ. ຈັດຕັ້ງການພົບປະເປັນປົກ ກະຕິ ເພື່ອຮັບຟັງ, ແກ້ໄຂບັນຫາຂໍ້ຂ້ອງໃຈ ແລະ ການສະເໜີຂອງບັນດາວິສາຫະກິດ ຂອງສອງປະເທດ ຢ່າງທັນການ.

8. ສອງຝ່າຍຕົກລົງຈະຊີ້ນຳບັນດາກະຊວງ, ຂະແໜງການ, ທ້ອງຖິ່ນ, ອົງການທີ່ກ່ຽວຂ້ອງ ແລະ ບັນດາດ່ານຂອງແຕ່ລະຝ່າຍ ປະຕິບັດຢ່າງເຂັ້ມງວດບັນດາເນື້ອໃນ ທີ່ໄດ້ລະບຸໄວ້ ໃນຂໍ້ຕົກລົງສະບັບນີ້.

ຈັດຕັ້ງໜ່ວຍງານປະສົມສອງຝ່າຍ ເພື່ອກວດກາ ແລະ ລາຍງານປະຈຳທຸກໆ 6 ເດືອນ ໃຫ້ລັດຖະ ບານສອງຝ່າຍ ເພື່ອພິຈາລະນາ ແກ້ໄຂບັນດາຂໍ້ຄົງຄ້າງທີ່ເກີດຂຶ້ນ.

9. ຂໍ້ຕົກລົງສະບັບນີ້ ມີຜົນບັງຄັບໃຊ້ ພາຍຫລັງ 30 ວັນ ນັບແຕ່ມື້ທີ່ໄດ້ລົງລາຍເຊັນເປັນຕົ້ນໄປ ແລະ ເອີ້ນວ່າ "**ຂໍ້ຕົກລົງຮ່າໂນ້ຍ 2007**" ປ່ຽນແທນໃຫ້ "**ຂໍ້ຕົກລົງວຽງຈັນ 2002**" ທີ່ໄດ້ເຊັນກັນໃນວັນທີ 13 ເດືອນ 08 ປີ 2002.

ຂໍ້ຕົກລົງສະບັບນີ້ ເຮັດທີ່ນະຄອນຫລວງຮ່າໂນ້ຍ ແຫ່ງ ສາທາລະນະລັດ ສັງຄົມນິຍົມ ຫວຽດນາມ, ວັນທີ 14 ເດືອນ 09 ປີ 2007 ເປັນສອງສະບັບຕົ້ນ ດ້ວຍສອງພາສາ, ພາສາລາວ ແລະ ພາສາຫວຽດ, ທັງສອງສະບັບຕົ້ນ ລ້ວນແຕ່ມີຄຸນຄ່າເທົ່າທຽມກັນ.

ຕາງໜ້າລັດຖະບານ
ສາທາລະນະລັດ ປະຊາທິປະໄຕ ປະຊາຊົນລາວ

ສົມສະຫວາດ ເລ່ງສະຫວັດ
ຮອງ ນາຍົກລັດຖະມົນຕີ, ຜູ້ປະຈຳການ

ຕາງໜ້າລັດຖະບານ
ສາທາລະນະລັດ ສັງຄົມນິຍົມ ຫວຽດນາມ

ຫງວຽນ ຊີ ຮຸ່ງ
ຮອງ ນາຍົກລັດຖະມົນຕີ, ຜູ້ປະຈຳການ